

Số: /BC-UBND

Đức Phồ, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng cuối năm 2023

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện chỉ tiêu về giáo dục trên địa bàn

Căn cứ Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND thị xã về phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025; Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã; trong đó, huy động các cơ sở giáo dục tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tăng cường trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đạt các mức độ của trường đạt chuẩn quốc gia gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục về mục tiêu của việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" thuộc lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Kế hoạch số 1486/KH-UBND ngày 05/7/2022 của UBND thị xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tích cực hưởng ứng phong trào thi đua "Đức Phồ chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025 do UBND các xã phát động bằng việc làm cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của mình; trước mắt là xây dựng kế hoạch để từng bước nâng cao các chỉ số của các tiêu chí về Kiểm định chất lượng giáo dục và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT. Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Tính đến thời điểm hiện tại, có 7/7 xã đạt tiêu chí trường học, 6/7 xã đạt cả tiêu chí trường học và tiêu chí giáo dục và đào tạo; trong đó có 01 xã đạt tiêu chí giáo dục của xã nông thôn mới nâng cao.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện các tiêu chí về giáo dục

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khang trang, cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn và đầy đủ các điều kiện để tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông một cách thuận lợi nên đã được sự hưởng ứng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và sự đồng tình ủng hộ của cha mẹ học sinh và cộng đồng về việc thực hiện tiêu chí giáo dục trong Bộ tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025.

d) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

* Thuận lợi

- Có hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp tỉnh và cấp thị xã đầy đủ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện để đạt mục tiêu đề ra.

- Việc hưởng ứng về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển giáo dục tại các xã của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục khá tích cực và tâm huyết; bên cạnh, còn có sự ủng hộ của cha mẹ học sinh, cộng đồng và hệ thống chính trị của các xã.

* Khó khăn

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học yêu cầu tương đối cao theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT so với nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước được phân bổ hàng năm cho các cơ sở giáo dục; bên cạnh, việc tham mưu dành quỹ đất cho các cơ sở giáo dục theo hướng đạt chuẩn quốc gia của một số xã chưa đúng theo tinh thần Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ;

- Nguồn kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn, cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước và việc huy động xã hội hóa của các cơ sở giáo dục; tuy nhiên, việc phân bổ kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tăng cường cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục không ổn định và không đủ chi phí xây dựng các khối công trình giáo dục theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

Từ những lý do trên đã làm cho việc triển khai thực hiện tiêu chí "5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2" và tiêu chí "5.6: Có $\geq 50\%$ trường học các cấp có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền" của một số cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn.

2. Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục, cụ thể:

+ Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025;

+ Kế hoạch số 1486/KH-UBND ngày 05/7/2022 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Đức Phổ chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025;

+ Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về phân công phụ trách, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

+ Công văn số 2987/UBND-PKT ngày 29/11/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc rà soát đánh giá kết quả và khả năng thực hiện Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025;

+ Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND thị xã Đức Phổ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2023;

+ Công văn số 567/HD-PGDĐT ngày 17/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã về việc Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí "Giáo dục" trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

+ Công văn số 202/HD-PGDĐT ngày 13/4/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã về việc Hướng dẫn bổ sung thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với lĩnh vực giáo dục.

- Đánh giá về tác động, hiệu quả của các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và cơ chế chính sách đối với giáo dục (những mặt được và chưa được cần điều chỉnh bổ sung).

Những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khá cụ thể, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục hưởng ứng và tổ chức thực hiện tiêu chí giáo dục trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã.

b) Chỉ đạo thực hiện tiêu chí giáo dục ở địa phương

- Những thuận lợi trong công tác chỉ đạo, điều hành:

+ Hệ thống văn bản chỉ đạo đã điều chỉnh đến tất cả những chỉ số, tiêu chí về trường học và giáo dục và đào tạo. Yêu cầu các chỉ số trong Bộ tiêu chí, các cơ sở giáo dục phấn đấu đạt được.

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục hưởng ứng nhiệt tình, có đề ra chỉ tiêu phấn đấu hàng năm.

- Những hạn chế, tồn tại cơ bản và nguyên nhân:

+ Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị để phục vụ cho tiêu chí "5.6: Có $\geq 50\%$ trường học các cấp có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền" ở một số xã chưa đạt được theo yêu cầu.

+ Nguyên nhân, quỹ đất dành cho giáo dục chưa đủ và kinh phí mua sắm thiết bị hàng năm phân bổ cho các cơ sở giáo dục còn hạn chế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Phát triển hạ tầng, kinh tế xã hội

Kết quả chung về xây dựng cơ sở vật chất trường học (*Theo tiêu chí Trường học*): Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục (phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, Nhà vệ sinh, thiết bị dạy học, ...).

Tính đến thời điểm hiện tại, có 20/20 cơ sở giáo dục trên địa bàn của 7 xã đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; trong đó, có 01 trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 nên cơ sở vật chất của các trường tại các xã đã đạt mức độ 1 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; cơ cấu các khối công trình trong các cơ sở giáo dục tương đối hợp lý (Mầm non: có khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ. Tiểu học có: khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao. THCS và TH&THCS: có khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi thể dục, thể thao); cụ thể:

- Phòng học: có 277 phòng (Mầm non: 45 phòng; Tiểu học: 131 phòng; THCS và TH&THCS: 101 phòng);

- Phòng học bộ môn: 80 phòng; trong đó:

+ Mầm non: có 05 phòng giáo dục thể chất; 06 phòng giáo dục thể chất; 04 phòng Tin học.

+ Tiểu học: có 06 phòng Âm nhạc; 05 phòng Mĩ thuật; 02 phòng Khoa học - Công nghệ và 10 phòng Tin học.

+ THCS, TH&THCS: có 06 phòng Âm nhạc; 04 phòng Mĩ thuật; 06 phòng Công nghệ; 12 phòng Khoa học tự nhiên; 09 phòng Tin học; 02 phòng khoa học xã hội; 03 phòng đa chức năng).

- Thư viện: có 13 thư viện (Tiểu học: 06 phòng; THCS: 06 phòng; TH&THCS: có 01 phòng).

- Nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên: 33 khu;

- Nhà vệ sinh cho học sinh: 61 khu;

Các khu vệ sinh được bố trí nam riêng, nữ riêng; đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, một số khu vệ sinh của học sinh tại các điểm lẻ của trường

tiểu học bị xuống cấp hoặc chất hẹp.

- 100% thiết bị tin học các cơ sở giáo dục ở thôn, xã được kết nối internet phục vụ cho công tác quản lý, dạy học và giáo dục.

- Hệ thống cấp, thoát nước tương đối đầy đủ; đảm bảo không úng nước vào mùa mưa.

- Thiết bị dạy học: Hàng năm, tất cả các trường đều được cấp phát đồ dùng, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Theo báo cáo của các trường, tỉ lệ đáp ứng đa số các trường chưa mua sắm đủ đồ dùng, thiết bị dạy học theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, do kinh phí được bố trí chưa đảm bảo.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục

Kết quả về nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn (Theo tiêu chí Giáo dục và đào tạo, tính đến tháng 12 năm 2022):

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi: đạt (7/7 xã).

- Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học: Đạt mức 3 (7/7 xã).

- Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 5 xã mức 3 và 2 xã mức 2.

- Kết quả xóa mù chữ, chống tái mù chữ: đạt mức 2.

- Những khó khăn, vướng mắc đối với tiêu chí giáo dục và đào tạo:

- + Tỉ lệ phổ cập THCS chưa cao; nguyên nhân, một số học sinh ở vùng biển, bãi ngang nghỉ học ở lớp 7, 8,9 để đi biển.

- + Một vài Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động ở mức độ trung bình.

3. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

a) Kết quả huy động, thực hiện các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn

Nguồn kinh phí chi cho xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở các cơ sở giáo dục công lập cơ bản là được phân bổ từ ngân sách Nhà nước và một số ít huy động từ nguồn xã hội hóa.

Trong năm 2023:

- Phân bổ kinh phí từ ngân sách Nhà nước để sửa chữa cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục tại các xã là 9.118.700.000đ (chín tỷ, một trăm mười tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Mua sắm thiết bị dạy học: 5.835.000.000đ (năm tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu đồng).

- Dự kiến kinh phí chi cho công tác phổ cập là: 226.000.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, các cơ sở giáo dục đã huy động từ nguồn xã hội hóa:

215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng).

b) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân

- Nguồn kinh phí được phân bổ từ ngân sách Nhà nước và huy động từ xã hội hóa giáo dục, các trường học chi đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Kết quả thực hiện tiêu chí về giáo dục (tính đến ngày 05/7/2023)

- Số xã đạt tiêu chí Trường học: 7/7 xã.

- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo: 6/7 xã (có 01 xã xếp loại Trung tâm học tập cộng đồng Trung bình).

- Số xã đạt 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo: 6/7 xã.

- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục: 01 xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Tất cả các cơ sở giáo dục ở vùng nông thôn đều đạt cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; trong đó, có 01 cơ sở giáo dục mầm non được công nhận cơ sở vật chất đạt mức 2.

- Công tác phổ cập giáo dục có chiều hướng tăng hàng năm.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

- Một số xã, phường thiếu diện tích đất để xây dựng khu giáo dục thể chất và các khối công trình giáo dục khác. Nguyên nhân, do các cơ sở giáo dục chưa tham mưu cho UBND cấp xã quy hoạch mở rộng đất cho cơ sở giáo dục và UBND các xã chưa nắm chắc qui mô phát triển giáo dục trên địa bàn để tham mưu cho UBND thị xã quy hoạch mở rộng đất dành cho giáo dục.

- Các khối công trình giáo dục tại các trường tương đối đầy đủ; tuy nhiên, chưa đảm bảo về diện tích và tỉ lệ kiên cố.

- Tiêu chí về giáo dục và đào tạo chưa bền vững; nguyên nhân, các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động không ổn định.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, giữ vững tiêu chí trường học và tiêu chí giáo dục và đào tạo đối với các xã nông thôn mới và hoàn thiện tiêu chí giáo dục trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu

mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đối với xã đăng ký về đích nông thôn mới nâng cao đến năm 2023.

2. Mục tiêu cụ thể

- Số xã đạt tiêu chí Trường học: 7/7 xã.
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo: 6/7 xã.
- Số xã đạt 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo: 6/7 xã.
- Số xã đạt tiêu chí Giáo dục: 2/7 xã.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện

- Hoàn thiện cơ sở vật chất mức độ 2 cho Trường Mầm non Phổ Thuận.
- Chỉ đạo các xã đăng ký về đích nông thôn mới nâng cao đến năm 2025 xác định cơ sở giáo dục trên địa bàn để xây dựng cơ sở vật chất mức độ 2.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát và hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng các mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực để nâng cao tỉ lệ phổ cập giáo dục, nhằm đáp ứng tiêu chí giáo dục trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình

- Đối với UBND xã và các cơ sở giáo dục tổ chức rà soát những khối công việc giáo dục và những nội dung trong tiêu chí giáo dục; lập kế hoạch tham mưu với UBND thị xã những biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện đáp ứng tiêu chí trường học trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện tiêu chí giáo dục để tư vấn, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện chỉ số giáo dục và đào tạo; đồng thời, tham mưu với UBND thị xã phân bổ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất hàng năm cho các cơ sở giáo dục thuộc xã đăng ký về nông thôn mới để đáp ứng tiêu chí trường học trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (Tính đến cuối năm 2023)

1. Tổng mức vốn: 14.603.700.000 đồng (Nguồn kinh phí dự kiến phân bổ để sửa chữa, mua thiết bị dạy học cho các trường học thuộc các xã).

2. Cơ cấu nguồn lực

a) Ngân sách Nhà nước (Trực tiếp và lồng ghép; ngân sách các cấp):
14.603.700.000đ

b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp: không.

c) Vốn tín dụng: không.

d) Vốn doanh nghiệp: không.

e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 150.000.000đ

3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện

- Xây dựng cơ sở vật chất trường học: 8.768.700.000đ;

- Mua sắm thiết bị dạy học: 5.835.000.000đ.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: không.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ngãi;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Phòng GD&ĐT thị xã;
- Chánh, Phó chánh VP;
- Lưu: VT, CV^{Chiến}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thanh Hùng

Phụ lục 2

CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Tính đến thời điểm ngày 05 tháng 7 năm 2023)

(Kèm theo công văn số /UBND-PGDĐT ngày tháng năm 2023 của UBND thị xã Đức Phổ)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Đơn vị ban hành	Ghi chú
I	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành						
1	Quyết định	1821/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025	Để xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		UBND thị xã Đức Phổ	
2	Quyết định	2782/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	Về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thị xã Đức Phổ, giai đoạn 2021-2025	Giúp Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thị xã Đức Phổ, giai đoạn 2021-2025 quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã		UBND thị xã Đức Phổ	
3	Nghị quyết	20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	Về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ	- Giai đoạn 2022-2025 có 5/7 xã đạt nông thôn mới nâng cao; - Có thêm 10 thôn đạt chuẩn nông thôn	- Dự kiến nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025; - Giải pháp thực hiện.	HĐND thị xã Đức Phổ	

				mới kiểu mẫu.			
4	Nghị quyết	21/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	Về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Thống nhất phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn ngân sách trung ương, tỉnh; - Vốn đối ứng ngân sách của thị xã; - Vốn đối ứng ngân sách của xã và huy động khác 	HĐND thị xã Đức Phổ	
5	Nghị quyết	22/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	Về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Thống nhất phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn ngân sách trung ương, tỉnh; - Vốn đối ứng ngân sách của thị xã; - Vốn đối ứng ngân sách của xã và huy động khác 	HĐND thị xã Đức Phổ	
6	Quyết định	số 3328/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng xã Phổ Thuận đạt nông thôn mới nâng cao; - Xây dựng thôn An Định xã Phổ Thuận và thôn Hiệp An xã Phổ Phong đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu; - Tiếp tục giữ vững tỉ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực hiện chương trình giai đoạn 2016-2020; - Thực hiện 11 nội dung thành phần 	UBND thị xã Đức Phổ	

				- Đến năm 2025, thị xã Đức Phổ hoàn thành xây dựng nông thôn mới.			
7	Quyết định	3121/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	Về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	- Giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	- Vốn ngân sách trung ương, tỉnh; - Vốn đối ứng ngân sách thị xã	UBND thị xã Đức Phổ	
8	Kế hoạch	1486/KH-UBND ngày 05/7/2022	Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Đức Phổ chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025	Bám sát Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh về phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"	- Các phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới"; - Giải pháp thực hiện; - Đối tượng thực hiện.	UBND thị xã Đức Phổ	
9	Quyết định	số 3337/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	Về phân công phụ trách, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Đạt chỉ tiêu các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	Phân công các phòng ban chuyên môn của UBND thị xã phụ trách các tiêu chí	UBND thị xã Đức Phổ	
10	Công văn	2987/UBND-PKT ngày 29/11/2022	Về việc rà soát đánh giá kết quả và khả năng thực hiện Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025	Rà soát đánh giá kết quả và khả năng thực hiện Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn	- Các phòng ban rà soát, đánh giá các tiêu chí phụ trách;	UBND thị xã Đức Phổ	

				2021-2025	- UBND các xã đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí và nhu cầu vốn		
11	Công văn	196/UBND ngày 01/02/2023	Về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Đảm bảo tỉ lệ các xã đạt Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	- Các phòng, ban thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ; - Đôn đốc nhiệm vụ đối với xã Phổ An; - Đôn đốc nhiệm vụ đối với các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025	UBND thị xã Đức Phổ	
12	Quyết định	2161/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2023	- Xây dựng xã Phổ Thuận đạt nông thôn mới nâng cao; - Xây dựng thôn An Định xã Phổ Thuận và thôn Hiệp An xã Phổ Phong đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu	- Dự kiến nhu cầu vốn năm 2023; - Giải pháp thực hiện	UBND thị xã Đức Phổ	
II Văn bản hướng về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực giáo dục							
1	Công văn	567/HD-PGDĐT ngày 17/10/2022	Về việc Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí "Giáo dục" trong Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	Các xã và các trường nắm bắt các minh chứng của tiêu chí "Giáo dục"	Hướng dẫn nội dung các chỉ số trong tiêu chí	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	

2	Công văn	202/HD-PGDĐT ngày 13/4/2023	Về việc Hướng dẫn bổ sung thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với lĩnh vực giáo dục	Các xã và các trường nắm bắt các minh chứng của tiêu chí "Giáo dục"	Hướng dẫn nội dung các chỉ số trong tiêu chí theo qui định của Sở GD&ĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	
---	----------	-----------------------------	--	---	---	----------------------------------	--

Phụ lục 3
**BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo công văn số /UBND-PGDĐT ngày tháng năm 2023 của UBND thị xã Đức Phổ)

TT	Chỉ số		Đơn vị tính	Cuối năm 2020		Hàng năm										Mục tiêu đến 2025	Tần suất báo cáo	
				SL/ Tổng	Tỉ lệ	2021		2022		2023		2024		2025				
						SL/ Tổng g	Tỉ lệ	SL/ Tổng g	Tỉ lệ	SL/ Tổng g	Tỉ lệ	SL/ Tổng g	Tỉ lệ	SL/ Tổng g	Tỉ lệ			
I	CHỈ SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH																	
1	Hạ tầng kinh tế xã hội	Cơ sở vật chất trường học	1.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Trường học	%	5/7	71,4	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	6 tháng
1.2. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	4/7	57,1	5/7	71,4	6/7	85,7	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	6 tháng	
1.3. Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2			%							1/7	14,3	2/7	28,6	3/7	42,9	42,9%	6 tháng	
1.4. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	4/6	66,6	6/6	100	6/6	100	6/6	100	6/6	100	6/6	100	100%	6 tháng	
1.5. Tỷ lệ số trường tiểu học đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2			%											1/6	16,6	16,6%	6 tháng	
1.6. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	2/6	33,3	5/6	83,3	6/6	100	6/6	100	6/6	100	6/6	100	100%	6 tháng	
1.7. Tỷ lệ số trường THCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2			%									1/6	16,6	2/6	33,3	33,3%	6 tháng	
1.8. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1			%	1/1	100	1/1	100	1/1	100	1/1	100	1/1	100	1/1	100	100%	6 tháng	

			1.9. Tỷ lệ số trường PT có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn CSVN mức độ 2	%													6 tháng			
			1.10. Tỷ lệ trường THPT đạt tiêu chuẩn CSVN	%													6 tháng			
2	Nâng cao chất lượng giáo dục ở nông thôn	Nâng cao chất lượng phát triển giáo dục ở nông thôn	2.1. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo	%	4/7	57,1	6/7	85,7	5/7	71,4	6/7	85,7	7/7	100	7/7	100	100%	Hàng năm		
2.2. Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí Giáo dục (Xã nông thôn mới nông cao)			%									2/7	28,6	3/7	42,9	5/7	71,4	71,4%	Hàng năm	
2.3. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục			%																	Hàng năm
2.4. Tỷ lệ số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Huyện nông thôn mới nâng cao)			%																	Hàng năm
2.5. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 05 tuổi			%	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	Hàng năm	
2.6. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non			%	2232/2232	100	2232/2232	100	2183/2183	100	2154/2154	100	2134/2134	100	2204/2204	100	100%	100%	Hàng năm		
2.7. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 2			%	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	100%	Hàng năm		
2.8. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3			%	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	100%	Hàng năm		
2.9. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi huy động được vào lớp 1			%	2156/2156	100	2232/2232	100	2233/2232	100							100%	100%	Hàng năm		
2.10. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 2			%	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	100%	Hàng năm		
2.11. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS cấp độ 3			%	5/7	71,4	3/7	42,9	5/7	71,4	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	100%	Hàng năm		
2.12. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2			%	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	7/7	100	100%	100%	Hàng năm		

Phụ lục 5

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo công văn số /UBND-PGDĐT ngày tháng năm 2023
của UBND thị xã Đức Phổ)

TT	Mục tiêu	Kết quả đến 31/12/2023	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2023	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2024	Ghi chú
I	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP XÃ				
1	Xã nông thôn mới				
	Số xã đạt tiêu chí Trường học	7/7		7/7	
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo	5/7	6/7	6/7	
	Số xã đạt cả 2 tiêu chí Trường học, Giáo dục và đào tạo	5/7	6/7	6/7	
2	Xã nông thôn mới nâng cao				
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục		1/7	2/7	
II	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ CẤP HUYỆN				
1	Huyện nông thôn mới				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.3. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)				
2	Huyện nông thôn mới nâng cao				
	Số huyện đạt tiêu chí Giáo dục (Nội dung 5.3. Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia, Nội dung 5.4 Trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục)				